

THÁCH THỨC CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐỐI VỚI GIẢNG DẠY VÀ ĐÀO TẠO LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Văn Quân¹
Email: nguyen.vnu@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1022

Tóm tắt: Bài viết nhằm phân tích những thách thức trọng tâm mà trí tuệ nhân tạo (AI) đặt ra đối với hoạt động giảng dạy và đào tạo luật ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay. Dựa trên khung lý thuyết quốc tế về AI trong giáo dục và giáo dục pháp luật, kết hợp phương pháp nghiên cứu hỗn hợp gồm phân tích tài liệu, khảo sát định lượng với 714 sinh viên ngành luật tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Nghệ An, cùng dữ liệu định tính thu được từ phỏng vấn giảng viên, nghiên cứu nhận diện thực trạng sử dụng AI của sinh viên và những rủi ro liên quan đến độ chính xác pháp lý, đạo đức học thuật và sự suy giảm năng lực lập luận pháp lý. Kết quả cho thấy AI đã được sinh viên sử dụng rộng rãi trong hầu hết các hoạt động học tập, trong khi các cơ sở đào tạo chưa ban hành quy định, hướng dẫn hoặc khung pháp lý phù hợp. Điều này dẫn đến tình trạng sử dụng tự phát, thiếu kiểm chứng, gây khó khăn cho giảng viên trong đánh giá học thuật và ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Nghiên cứu đề xuất xây dựng quy tắc đạo đức học thuật liên quan đến AI, nâng cao năng lực công nghệ cho giảng viên, phát triển hạ tầng số và điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tăng cường tư duy phản biện. Giá trị của nghiên cứu nằm ở việc cung cấp bằng chứng thực nghiệm đầu tiên về hành vi sử dụng AI của sinh viên luật tại Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho hoạch định chính sách và đổi mới đào tạo luật trong kỷ nguyên AI.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo, đào tạo luật, giáo dục pháp luật ở Việt Nam, đạo đức học thuật, chuyển đổi số

I. Đặt vấn đề

Sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo trong thập niên gần đây đang mở ra một thời kỳ mới cho giáo dục đại học trên toàn thế giới. Khi các mô hình ngôn ngữ lớn có khả năng sinh văn bản, mô

phong lập luận, phân tích thông tin và hỗ trợ ra quyết định, quá trình học tập không còn chỉ là hoạt động tiếp nhận tri thức mà đã trở thành sự tương tác liên tục giữa con người và hệ thống kỹ thuật số. Trong bối cảnh đó, giáo dục pháp luật - lĩnh vực vốn

¹ Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

đặt nặng tính lập luận, tư duy phản biện, đạo đức nghề nghiệp và sự chính xác của tri thức - đang chịu tác động sâu sắc hơn bất kỳ ngành nào khác. UNESCO (2023) nhấn mạnh rằng sự xuất hiện của AI tạo sinh không chỉ làm thay đổi phương pháp giảng dạy, mà còn đặt lại câu hỏi về bản chất của học thuật và vai trò của người học trong xã hội tri thức.

Tại Việt Nam, chiến lược chuyển đổi số quốc gia xác định trí tuệ nhân tạo là công nghệ trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, trong đó giáo dục đại học là một trong những lĩnh vực được ưu tiên (Thủ tướng Chính phủ, 2021a). Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc ứng dụng AI trong đào tạo luật hiện mới dừng ở mức thảo luận, thử nghiệm rời rạc hoặc hoạt động mang tính cá nhân của một số giảng viên. Chưa có trường luật nào chính thức đưa AI vào chương trình đào tạo, chưa có khung pháp lý điều chỉnh việc sử dụng AI trong học thuật, cũng chưa có hướng dẫn nào quy định rõ mức độ chấp nhận được đối với các sản phẩm học tập có sự hỗ trợ của AI. Trong khi đó, sinh viên lại tiếp cận AI nhanh hơn nhiều so với khả năng cập nhật của nhà trường.

Khảo sát của nghiên cứu này với 714 sinh viên luật tại ba khu vực cho thấy gần như toàn bộ người học đã sử dụng AI ít nhất một lần trong quá trình học tập, chủ yếu để tóm tắt tài liệu, viết bài tập, tìm án lệ và chuẩn bị cho thi cử. Số liệu này phản ánh một thực tế quan trọng: công nghệ đã đi trước chính sách và chương trình đào tạo. Trong khi giảng viên và cơ sở đào tạo còn đang trong giai đoạn thăm dò, thì người học đã coi AI như một công cụ quen thuộc hỗ trợ quá trình tiếp nhận và tạo lập tri thức. Chính sự chênh lệch về tốc độ này tạo ra nhiều hệ quả đáng lo ngại.

Thứ nhất, các mô hình AI tạo sinh thường xuyên cung cấp thông tin không chính xác hoặc mang tính suy diễn, đặc biệt trong lĩnh vực pháp lý vốn đòi hỏi sự chính xác tuyệt đối. Hiện tượng “ảo giác pháp lý” được OECD (2025) cảnh báo ngày càng xuất hiện nhiều hơn khi sinh viên dựa vào nội dung do AI sinh ra mà không có khả năng kiểm chứng. Thứ hai, dòng thông tin được tạo ra quá thuận tiện khiến nhiều sinh viên bỏ qua bước tư duy phân tích, dẫn đến sự suy giảm năng lực lập luận và yếu kém trong khả năng diễn giải quy phạm pháp luật - những kỹ năng cốt lõi của nghề luật. Regalia (2024) cho rằng đây là nguy cơ dài hạn đối với sự phát triển của luật học nếu các cơ sở đào tạo không nhanh chóng điều chỉnh phương pháp sư phạm.

Bên cạnh vấn đề về tính chính xác, đạo đức học thuật cũng trở thành một thách thức lớn. Khi AI có khả năng tạo ra văn bản trôi chảy và dễ dàng vượt qua các công cụ kiểm tra đạo văn truyền thống, ranh giới giữa hỗ trợ học thuật hợp lệ và hành vi gian lận trở nên khó xác định hơn bao giờ hết. UNESCO (2023) khẳng định rằng việc sử dụng AI trong học thuật phải tuân theo nguyên tắc minh bạch và trách nhiệm, nhưng tại Việt Nam, chưa có trường đại học nào xây dựng quy định rõ ràng về trích dẫn AI hay mức độ chấp nhận đối với các bài tập được hỗ trợ bởi công cụ này. Điều này dẫn đến sự lúng túng cho cả giảng viên trong quá trình đánh giá và sinh viên trong quá trình học tập.

Một thách thức khác nằm ở năng lực sư phạm của đội ngũ giảng viên. Phần lớn giảng viên luật tại Việt Nam chưa được đào tạo về công nghệ số, càng chưa có kinh nghiệm sử dụng AI trong giảng dạy hoặc thiết kế học liệu tương tác. Khoảng cách

giữa người dạy và người học vì thế ngày càng lớn. Balan (2024) cho rằng sự phát triển của AI không làm giảm vai trò của giảng viên, nhưng buộc họ phải tái định vị vai trò của mình từ người truyền đạt tri thức sang người hướng dẫn và “kiến trúc sư” của trải nghiệm học tập. Điều này đòi hỏi sự chuẩn bị bài bản, mà hiện nay hầu như chưa có trong hệ thống đào tạo luật tại Việt Nam.

Ngoài ra, AI cũng đặt ra những câu hỏi sâu xa về mục tiêu, triết lý và bản chất của giáo dục pháp luật. Khi công nghệ có thể tạo lập luận hoặc mô phỏng phán quyết, ý nghĩa của việc rèn luyện tư duy pháp lý, bản lĩnh nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cần được nhìn nhận lại. Susskind (2022) nhấn mạnh rằng luật sư tương lai không chỉ cần hiểu pháp luật mà còn phải hiểu cách hệ thống công nghệ vận hành, và biết cách bảo vệ giá trị nhân văn trong môi trường pháp lý được tự động hóa ngày càng cao.

Những biến đổi nói trên tạo ra bối cảnh phức tạp và đòi hỏi nghiên cứu chuyên sâu về tác động của AI đối với giảng dạy và đào tạo luật ở Việt Nam. Trước nhu cầu đó, bài viết tiến hành phân tích cơ sở lý thuyết, khảo sát thực trạng sử dụng AI của sinh viên luật, nhận diện các thách thức trọng tâm và đề xuất định hướng chính sách nhằm đảm bảo rằng trí tuệ nhân tạo được ứng dụng một cách có đạo đức, bền vững và phù hợp với truyền thống giáo dục pháp luật Việt Nam.

II. Cơ sở lý thuyết

Trong nhiều thập niên trở lại đây, sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo đã mở ra những hướng tiếp cận mới trong khoa học giáo dục, đồng thời đặt lại vai trò và giới hạn của con người trong quá trình học tập và sáng tạo tri thức. Đối với giáo

dục pháp luật, một lĩnh vực đòi hỏi tư duy phân tích sâu sắc, lập luận chặt chẽ và sự chính xác cao trong diễn giải quy phạm, vấn đề này lại càng trở nên cấp thiết. Để có thể nhận diện đầy đủ những thách thức và cơ hội mà trí tuệ nhân tạo đặt ra cho đào tạo luật ở Việt Nam, cần xem xét một cách hệ thống những lý thuyết nền tảng liên quan đến bản chất của AI, cách thức vận hành của nó và sự tương tác giữa con người - công nghệ trong môi trường học thuật.

Tổ chức OECD (2019) đưa ra định nghĩa rộng về trí tuệ nhân tạo, nhấn mạnh rằng AI không chỉ là tập hợp của các thuật toán học máy mà là một hạ tầng công nghệ có khả năng tác động đến cấu trúc xã hội và phương thức hoạt động của các thiết chế giáo dục. Theo cách nhìn này, tác động của AI không chỉ diễn ra ở mức công cụ mà còn ảnh hưởng đến cách con người tiếp nhận, xử lý và đánh giá tri thức. Giáo dục pháp luật, vốn lấy tri thức và năng lực tư duy làm trung tâm, vì thế trở thành lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ.

UNESCO (2025) tiếp cận vấn đề từ chiều kích đạo đức và trách nhiệm học thuật. Tài liệu hướng dẫn của tổ chức này nhấn mạnh sự cần thiết phải bảo đảm tính minh bạch, độ tin cậy và an toàn khi đưa AI vào môi trường giáo dục. Quan điểm này đặc biệt phù hợp với bản chất của đào tạo luật, nơi yêu cầu người học không chỉ nắm vững quy định pháp luật mà còn phải phát triển năng lực tư duy độc lập, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và khả năng phán đoán trong bối cảnh phức tạp của đời sống xã hội. Khi AI có khả năng tạo ra lập luận, trích dẫn hoặc phân tích tình huống, việc duy trì sự liêm chính học thuật trở thành một vấn đề then chốt.

Balan (2025) đưa ra cách tiếp cận

mang tính tổng hợp khi xem AI như một “tác nhân nhận thức”, có khả năng tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức. Theo ông, thách thức lớn nhất không nằm ở chỗ công nghệ quá mạnh mà nằm ở việc con người chưa xây dựng được cơ chế sử dụng phù hợp. Trong giáo dục pháp luật, điều này thể hiện qua việc sinh viên có khuynh hướng dựa vào kết quả mà AI cung cấp thay vì tự mình phân tích và hình thành lập luận. Khi ranh giới giữa tri thức do con người tạo ra và tri thức do máy tạo ra trở nên mờ nhạt, yêu cầu về minh bạch, trách nhiệm và đối thoại học thuật phải được đặt lên hàng đầu.

Ở một phương diện khác, Regalia (2024) tập trung phân tích ảnh hưởng của AI tạo sinh đối với kỹ năng viết pháp lý. Theo ông, sự thuận tiện trong việc tạo lập văn bản khiến người học có xu hướng sử dụng AI như một phương tiện thay thế, làm suy giảm khả năng tổ chức luận điểm, phân tích quy phạm và xây dựng cấu trúc lập luận. Điều này đặc biệt quan trọng trong đào tạo luật, bởi năng lực viết và tư duy logic là những kỹ năng cốt lõi quyết định chất lượng hành nghề sau này. Nếu người học quá phụ thuộc vào AI, sản phẩm học tập có thể trở nên trôi chảy về mặt ngôn ngữ nhưng thiếu chiều sâu, thiếu dẫn chứng và thiếu sự gắn kết với bối cảnh pháp lý.

Lý thuyết kiến tạo (constructivism) trong giáo dục cũng cung cấp một nền tảng hữu ích để lý giải sự tham gia của AI vào quá trình học tập. Theo quan điểm này, tri thức không phải là thứ truyền đạt một chiều từ người dạy sang người học, mà được hình thành thông qua sự tương tác liên tục giữa chủ thể học tập và môi trường xung quanh. Trong bối cảnh đó, AI có thể trở thành một nguồn tri thức hoặc

một đối tượng tương tác, nhưng không thể thay thế vai trò tư duy của người học. Nếu sinh viên coi những nội dung do AI cung cấp như một dạng sự thật hoàn chỉnh mà không kiểm chứng, quá trình kiến tạo tri thức sẽ bị cản trở và năng lực tư duy pháp lý sẽ không thể phát triển đầy đủ.

Bên cạnh những lý thuyết về giáo dục, nhiều công trình nghiên cứu trong luật học hiện đại cũng quan tâm tới tác động của công nghệ đối với bản chất của pháp luật. Susskind (2022) nhận định rằng sự phát triển của AI đang thay đổi cách thức hành nghề luật, từ việc tìm kiếm án lệ, phân tích hợp đồng cho tới tư vấn pháp lý. Theo ông, luật sư tương lai phải là người kết hợp được kiến thức pháp lý với hiểu biết về công nghệ, đồng thời có khả năng đánh giá những tác động xã hội của các thuật toán. Quan điểm này có ý nghĩa quan trọng đối với đào tạo luật ở Việt Nam, nơi chương trình học vẫn chủ yếu xoay quanh lý thuyết và chưa chú trọng phát triển năng lực công nghệ.

Enebeli (2024), trong nghiên cứu so sánh giữa Vương quốc Anh và Nam Phi, chỉ ra rằng các hệ thống giáo dục pháp luật tiên tiến đều bắt đầu xây dựng khung đạo đức dành riêng cho việc sử dụng AI. Khung này thường bao gồm ba thành tố: mức độ chấp nhận được của việc sử dụng AI trong học tập; trách nhiệm trích dẫn khi sử dụng nội dung do AI tạo ra; và cơ chế đánh giá phù hợp để hạn chế hành vi gian lận. Những định hướng này có thể trở thành gợi ý quan trọng đối với Việt Nam trong giai đoạn bàn thảo chính sách.

Ngoài các tiếp cận lý thuyết nêu trên, việc phân tích trí tuệ nhân tạo trong giáo dục pháp luật còn cần quan tâm đến bối cảnh pháp lý của Việt Nam. Mặc dù Chính phủ đã ban hành (Thủ tướng Chính

phủ, 2021b) và Chiến lược chuyển đổi số trong ngành giáo dục (Thủ tướng Chính phủ, 2021a), song các văn bản này chưa đi sâu vào giáo dục pháp luật. Khoảng trống này khiến các cơ sở đào tạo gặp khó khăn trong xây dựng quy chế nội bộ về đánh giá học tập, kiểm soát đạo văn, trích dẫn văn bản do AI tạo ra hoặc bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ. Vì vậy, cơ sở lý thuyết cho thấy vai trò không thể thiếu của khung pháp lý trong việc định hướng và kiểm soát việc sử dụng AI trong đào tạo luật.

Nhìn chung, các lý thuyết hiện có đều thống nhất ở một điểm: AI mang lại cơ hội đổi mới nhưng cũng đặt ra thách thức lớn đối với giáo dục pháp luật. Công nghệ có thể nâng cao hiệu quả học tập nếu được sử dụng đúng cách, nhưng cũng có thể làm suy yếu nền tảng tư duy pháp lý nếu thiếu cơ chế hướng dẫn và giám sát. Những lập luận này tạo tiền đề quan trọng cho việc phân tích phương pháp nghiên cứu và đánh giá thực trạng ở các phần tiếp theo của bài viết.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về tác động của trí tuệ nhân tạo đối với giảng dạy và đào tạo luật ở Việt Nam đòi hỏi sự kết hợp giữa cả phương pháp định tính và định lượng nhằm bảo đảm tính toàn diện và chiều sâu trong phân tích. Việc lựa chọn phương pháp được đặt trên nền tảng của các lý thuyết đã trình bày ở phần trước, đồng thời dựa trên thực tiễn sử dụng AI tại các cơ sở đào tạo luật và xu hướng chung của giáo dục đại học.

Trước hết, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu. Đây là phương pháp cơ bản nhằm hệ thống hóa các quan điểm lý thuyết và những phát hiện của các học giả trong và ngoài nước liên quan đến trí tuệ nhân tạo,

giáo dục pháp luật, đạo đức học thuật và đổi mới sư phạm. Những công trình của Balan (2025), Regalia (2024), UNESCO (2023), OECD (2019, 2025) và Susskind (2022) được xem như nguồn tham chiếu chính, giúp hình thành khung lý thuyết về vai trò và giới hạn của AI trong môi trường đào tạo pháp lý. Việc tổng hợp này cũng nhằm xác định khoảng trống nghiên cứu mà bài viết cần tiếp tục làm rõ, nhất là bối cảnh cụ thể của Việt Nam - nơi AI đã được sử dụng phổ biến trong thực tiễn học tập nhưng chưa được điều chỉnh bởi bất kỳ quy chế hay chính sách rõ ràng nào.

Bên cạnh việc phân tích tài liệu, nghiên cứu còn áp dụng phương pháp so sánh luật học. Phương pháp này cho phép đối chiếu cách tiếp cận của Việt Nam với kinh nghiệm của các quốc gia đã triển khai AI trong giáo dục pháp luật, từ đó rút ra bài học phù hợp. Các trường hợp được tham chiếu gồm Vương quốc Anh, Nam Phi (Enebeli, 2024), Hoa Kỳ và Pháp. Thông qua việc so sánh này, nghiên cứu hướng đến làm rõ sự khác biệt về triết lý giáo dục, khung pháp lý, mô hình quản trị học thuật và mức độ ứng dụng công nghệ trong chương trình đào tạo. Đây là cơ sở quan trọng giúp xác định những khuyến nghị chính sách mang tính tham chiếu quốc tế nhưng vẫn phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu định lượng cũng đóng vai trò quan trọng trong bài viết. Từ tháng 11 năm 2025, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 714 sinh viên ngành luật tại ba khu vực: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Nghệ An. Khảo sát được thiết kế bằng hình thức trực tuyến, đảm bảo quyền ẩn danh của người trả lời và thu thập dữ liệu về mức độ sử dụng AI, mục đích sử dụng, nhận thức về độ tin cậy của

công cụ và cách thức kiểm chứng thông tin pháp lý. Việc lựa chọn mẫu dựa trên phương pháp thuận tiện nhưng có kiểm soát nhằm bảo đảm sự đa dạng về trường đào tạo, khóa học và mức độ tiếp cận công nghệ của người học.

Bộ câu hỏi khảo sát gồm bốn nhóm nội dung: (1) đặc điểm chung của người học; (2) tần suất và mục đích sử dụng các công cụ AI tạo sinh; (3) hành vi kiểm chứng và thái độ đối với tính chính xác pháp lý của AI; và (4) nhận thức về những rủi ro đạo đức trong quá trình sử dụng. Cách tiếp cận này cho phép thu thập những thông tin thiết thực, phản ánh khá rõ thực tế học tập của sinh viên ngành luật trong bối cảnh hội nhập công nghệ mạnh mẽ.

Ngoài khảo sát định lượng, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp quan sát và đối thoại với giảng viên nhằm bổ sung chiều sâu định tính. Một số giảng viên tại các trường luật lớn được tiếp cận thông qua cuộc trao đổi phi chính thức để tìm hiểu quan điểm của họ về việc sinh viên sử dụng AI, mức độ hỗ trợ của trường và những khó khăn trong việc kiểm tra - đánh giá sản phẩm học tập. Dữ liệu định tính này giúp làm sáng tỏ bức tranh toàn diện hơn về cách AI đang ảnh hưởng đến môi trường học thuật và hoạt động giảng dạy.

Về phạm vi nghiên cứu, bài viết tập trung vào bối cảnh giáo dục đại học luật tại Việt Nam trong giai đoạn AI tạo sinh phát triển nhanh từ năm 2023 đến nay. Đối tượng nghiên cứu là sinh viên và giảng viên thuộc các cơ sở đào tạo luật, đồng thời xem xét những văn bản chính sách có liên quan như Chiến lược phát triển AI đến năm 2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2021b) và Chiến lược chuyển đổi số trong giáo dục (Thủ tướng Chính phủ, 2021a). Nghiên cứu không nhằm đánh giá toàn

diện tất cả các công cụ AI, mà tập trung vào những công cụ được sử dụng phổ biến nhất như Chat GPT, Gemini, Claude và Copilot, vốn có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động học tập và giảng dạy.

Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả nhằm xác định xu hướng chung trong hành vi sử dụng AI. Các phát hiện định lượng được đối chiếu với hệ thống lý thuyết và dữ liệu định tính để làm rõ tính nhất quán và những khác biệt cần giải thích. Cách thức đối chiếu ba nguồn dữ liệu - lý thuyết, khảo sát và quan sát thực tiễn - cho phép nâng cao độ tin cậy của kết luận và giúp bài viết không bị lệ thuộc vào một phương pháp duy nhất.

Phương pháp nghiên cứu được lựa chọn thể hiện nỗ lực tiếp cận vấn đề một cách toàn diện và khoa học. Thay vì chỉ mô tả hiện tượng, nghiên cứu tìm cách giải thích nguyên nhân, bối cảnh và tác động của việc sử dụng AI trong đào tạo luật. Sự kết hợp giữa định tính và định lượng giúp khắc phục những hạn chế riêng của từng phương pháp và tạo nên nền tảng vững chắc để phân tích sâu hơn trong phần tiếp theo về các kết quả nghiên cứu và thảo luận.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở phân tích dữ liệu khảo sát 714 sinh viên ngành luật, kết hợp với đối thoại cùng giảng viên và xem xét tổng quan lý thuyết đã trình bày ở các phần trước. Những phát hiện này cho thấy trí tuệ nhân tạo đang tác động mạnh mẽ đến toàn bộ quá trình dạy và học luật ở Việt Nam, từ nhận thức, hành vi sử dụng đến chuẩn mực đạo đức và phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, tác động này diễn ra trong bối cảnh thiếu vắng khung pháp lý, thiếu hướng

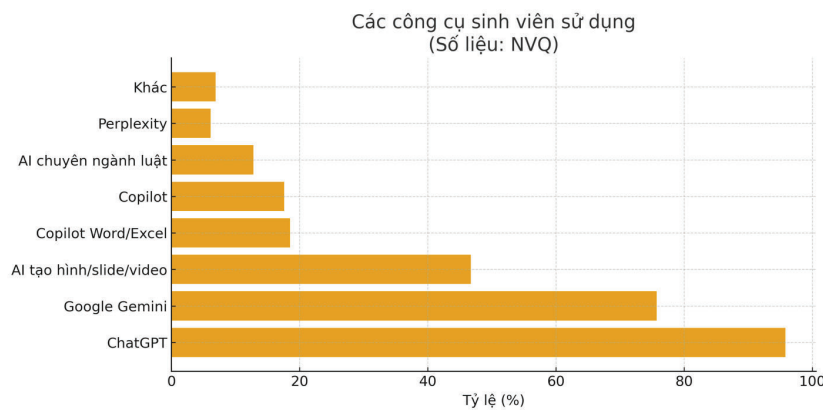
dẫn sử dụng chính thức và chênh lệch lớn giữa năng lực công nghệ của giảng viên và sinh viên, khiến nhiều vấn đề trở nên phức tạp hơn dự kiến.

4.1. Thực trạng hành vi sử dụng trí tuệ nhân tạo của sinh viên luật

Khảo sát 714 sinh viên cho thấy gần như toàn bộ người học đã sử dụng ít nhất một công cụ AI tạo sinh trong quá trình học tập. Con số này lên tới 98,9%, một tỷ lệ phản ánh sự phổ biến tuyệt đối của AI trong đời sống học thuật của sinh viên luật. Điều đáng chú ý là mặc dù các cơ sở đào tạo chưa có chính sách hay hướng dẫn chính thức, sinh viên vẫn chủ động khai thác AI theo nhu cầu học tập của mình. Điều này cho thấy AI đã trở thành một phần của văn hóa học tập mới, xuất hiện nhanh và mạnh đến mức vượt

xa năng lực thích ứng của chương trình giảng dạy hiện hành.

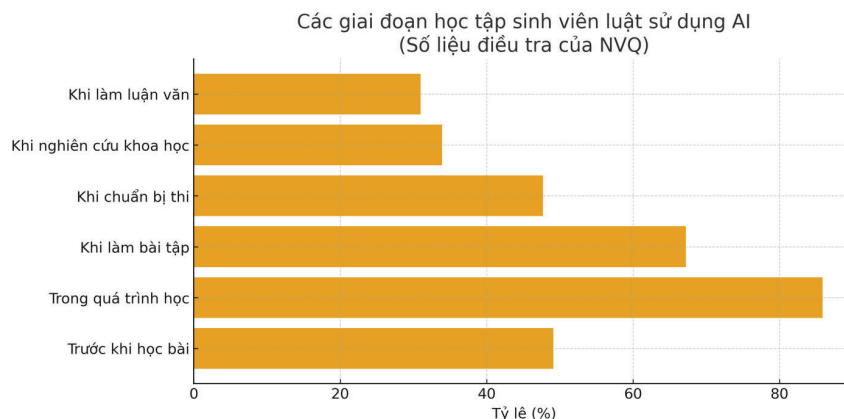
Trong số các công cụ được sử dụng, Chat GPT chiếm ưu thế tuyệt đối với 95,8%, tiếp theo là Gemini với 75,7%. Điều này phản ánh xu hướng phổ biến của các mô hình ngôn ngữ lớn có khả năng sinh văn bản trôi chảy, trả lời câu hỏi, tóm tắt tài liệu và giải thích khái niệm pháp lý bằng ngôn ngữ tự nhiên. Tuy nhiên, số sinh viên sử dụng các công cụ AI chuyên ngành pháp lý chỉ chiếm 12,8%, cho thấy đa số người học không tiếp cận được các hệ thống phân tích pháp luật chuyên sâu và chủ yếu dựa vào các mô hình ngôn ngữ đa năng. Điều này làm gia tăng nguy cơ sai lệch thông tin do các mô hình này không được đào tạo đặc thù về pháp luật Việt Nam, một hiện tượng mà OECD (2025) gọi là “ảo giác pháp lý”.



Hình 1: các công cụ AI sinh viên ngành luật sử dụng phổ biến

AI không chỉ được dùng trong một giai đoạn cụ thể của quá trình học tập mà hiện diện xuyên suốt toàn bộ chu trình đào tạo. Khoảng 85,9% sinh viên dùng AI để hỗ trợ đọc hiểu, ghi chú và tóm tắt tài liệu; 67,2% sử dụng trong lúc làm bài tập; 49,1% sử dụng trước khi nộp bài; và gần một nửa sử dụng trong quá trình chuẩn bị thi. Việc AI được sử dụng mạnh nhất vào các thời điểm đòi hỏi tư duy độc lập - như viết bài, phân

tích án lệ hay nghiên cứu khoa học - cho thấy sinh viên đang coi AI như một phần của quá trình tạo lập tri thức chứ không chỉ hỗ trợ kỹ thuật đơn thuần. Đây là tín hiệu vừa đáng mừng vừa đáng lo: đáng mừng vì AI giúp sinh viên xử lý lượng thông tin khổng lồ và tiếp cận tri thức nhanh hơn, nhưng đáng lo vì sự phụ thuộc này có thể làm suy yếu năng lực phân biện và lập luận pháp lý, vốn là cốt lõi của đào tạo luật.



Hình 2: Các giai đoạn sinh viên ngành luật sử dụng AI

4.2. Tác động đối với đạo đức học thuật và năng lực lập luận pháp lý

Một trong những thách thức nổi bật nhất của việc sinh viên sử dụng AI tự phát là nguy cơ xói mòn đạo đức học thuật. Khi AI có thể tạo ra văn bản hoàn chỉnh, trình bày mạch lạc và thậm chí dẫn chứng hợp lý, sinh viên dễ bị cuốn vào sự tiện lợi và sử dụng nội dung do AI tạo ra mà không trích dẫn, không kiểm chứng và không nhận thức đầy đủ mức độ rủi ro của hành vi. UNESCO (2023) cảnh báo rằng việc sử dụng AI trong học thuật phải bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm, nhưng phần lớn sinh viên trong khảo sát thừa nhận rằng họ không xem việc sử dụng AI để soạn thảo nội dung là một hành vi cần trích dẫn, và coi đó như một phần tự nhiên của quá trình học tập.

Điều này dẫn đến ba hệ quả đáng lưu ý. Thứ nhất, sản phẩm học tập của sinh viên không phản ánh đúng năng lực cá nhân, gây khó khăn cho giảng viên trong quá trình đánh giá và tạo ra sự thiếu công bằng học thuật. Thứ hai, việc dựa vào lập luận được tạo bởi AI có thể khiến sinh viên không rèn luyện đầy đủ kỹ năng cốt lõi như phân tích quy phạm, xây dựng lập luận tam đoạn luận hoặc giải thích pháp lý dựa trên bối cảnh. Thứ ba, nếu

không có cơ chế giám sát và hướng dẫn, hành vi sử dụng AI thiếu minh bạch có thể dần trở thành chuẩn mực, làm suy yếu niềm tin vào giá trị của bằng cấp và chất lượng đào tạo.

Regalia (2024) cho rằng AI có thể khiến sinh viên nhầm tưởng rằng họ đã hiểu vấn đề pháp lý trong khi thực chất chỉ sao chép cấu trúc lập luận mà mô hình sinh ra. Sự “trôi chảy của ngôn ngữ” do AI tạo ra có thể đánh lừa cả người viết lẫn người đọc về chất lượng tư duy thực sự. Những quan sát này trùng khớp với phản ánh của giảng viên trong nghiên cứu định tính, khi nhiều người thừa nhận rằng ngày càng khó xác định đâu là lập luận của sinh viên và đâu là sản phẩm của AI.

4.3. Sự chênh lệch giữa năng lực công nghệ của giảng viên và sinh viên

Dữ liệu khảo sát và phỏng vấn cho thấy sinh viên thường thành thạo công nghệ hơn giảng viên. Trong khi phần lớn sinh viên có thể nhanh chóng sử dụng các công cụ AI để hỗ trợ học tập, thì giảng viên lại gặp khó khăn trong việc hiểu cách AI vận hành, khả năng của nó và giới hạn của nó. Điều này tạo ra khoảng cách lớn trong lớp học: người học tiếp thu kiến thức thông qua công nghệ nhưng người

dạy không có khả năng kiểm soát hoặc định hướng sự tiếp thu đó.

Sự chênh lệch này thể hiện rõ nhất trong việc đánh giá bài tập. Khi công cụ AI có thể viết đoạn văn, trả lời câu hỏi tình huống hoặc mô phỏng lập luận pháp lý, giảng viên không có công cụ tương đương để phân biệt đâu là sản phẩm thật sự của sinh viên. Một số giảng viên cho biết họ phải dựa vào cảm nhận cá nhân, kinh nghiệm hoặc phong cách viết truyền thống của sinh viên để phát hiện dấu hiệu bất thường. Tuy nhiên, phương pháp này không bảo đảm độ chính xác và nhất quán.

Balan (2025) cho rằng trong bối cảnh giáo dục đại học chịu tác động mạnh của công nghệ, vai trò của giảng viên không mất đi nhưng thay đổi theo hướng trở thành người thiết kế hoạt động học tập và kiểm soát quá trình tư duy của sinh viên. Điều đó đòi hỏi giảng viên không chỉ biết sử dụng AI mà còn phải hiểu rõ giới hạn, rủi ro và cách đánh giá sản phẩm học tập trong môi trường có sự hỗ trợ của công nghệ. Thực tế ở Việt Nam lại cho thấy sự chuẩn bị này còn rất hạn chế.

4.4. Thách thức về hạ tầng công nghệ và nguồn lực đào tạo

Việc tích hợp AI vào đào tạo luật đòi hỏi hạ tầng công nghệ đủ mạnh, bao gồm hệ thống máy chủ, phần mềm, nguồn dữ liệu pháp lý chuẩn hóa và cơ sở vật chất phục vụ mô phỏng pháp lý. Tuy nhiên, phần lớn các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu này. Trường học vẫn chủ yếu dựa trên mô hình giảng dạy truyền thống, trong khi thư viện số, kho dữ liệu pháp lý điện tử và hệ thống học liệu số chưa được phát triển đồng bộ.

Hơn nữa, Việt Nam chưa có cơ sở dữ liệu pháp luật mở phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu. Khi sinh viên và giảng viên

phải dựa vào các công cụ AI “đa năng” không được huấn luyện bằng dữ liệu pháp luật Việt Nam, nguy cơ sai lệch thông tin càng lớn. OECD (2025) nhấn mạnh rằng tính chính xác của đầu ra phụ thuộc rất lớn vào chất lượng dữ liệu đầu vào, mà đây là yếu tố còn thiếu vắng trong bối cảnh pháp lý Việt Nam.

4.5. Khoảng trống pháp lý trong quản lý và sử dụng AI trong đào tạo luật

Việt Nam hiện chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào điều chỉnh trực tiếp việc sử dụng AI trong học thuật. Hai văn bản định hướng quan trọng nhất là Chiến lược quốc gia về phát triển AI đến năm 2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2021b) và Chiến lược chuyển đổi số trong giáo dục (Thủ tướng Chính phủ, 2021a) đều không đưa ra quy định cụ thể cho giáo dục pháp luật. Vì vậy, các trường đại học không có căn cứ để ban hành quy chế nội bộ rõ ràng về sử dụng AI trong học tập, thẩm định chất lượng học thuật hay xử lý các hành vi vi phạm đạo đức liên quan đến AI.

Khoảng trống pháp lý này dẫn đến sự lúng túng khi xây dựng quy định về trích dẫn AI, mức độ được phép sử dụng trong bài tập, hoặc các tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập có hỗ trợ bởi công nghệ. Điều này hoàn toàn trái ngược với kinh nghiệm quốc tế, nơi nhiều trường luật đã ban hành bộ quy tắc riêng về sử dụng AI trong học thuật, quy định rõ vai trò của người học, trách nhiệm của giảng viên và các cơ chế kiểm soát đạo đức.

4.6. Định hướng triết lý giáo dục trong bối cảnh AI

Cuối cùng, sự xuất hiện của AI buộc các cơ sở đào tạo luật phải xem xét lại triết lý giáo dục của mình. Kể từ lâu, mục tiêu của đào tạo luật không chỉ là truyền đạt tri

thức pháp lý mà còn là rèn luyện tư duy phản biện, khả năng phân tích bối cảnh và bản lĩnh đạo đức nghề nghiệp. Khi AI có thể mô phỏng lập luận hoặc đề xuất cách giải quyết tình huống, giáo dục pháp luật cần nhấn mạnh hơn vào việc phát triển năng lực mà công nghệ không thể thay thế, gồm tư duy độc lập, khả năng đánh giá rủi ro, trực giác nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm xã hội.

Susskind (2022) cho rằng luật sư của tương lai phải vừa nắm vững lý thuyết pháp luật vừa có hiểu biết sâu sắc về hệ thống công nghệ, để có thể đánh giá được tác động của công nghệ đối với công lý và trật tự xã hội. Điều này cũng đặt ra yêu cầu thay đổi cho chương trình đào tạo luật ở Việt Nam, vốn vẫn nặng về ghi nhớ quy phạm và ít khuyến khích tư duy sáng tạo.

V. Kết luận và kiến nghị

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo trong những năm gần đây đang đặt giáo dục pháp luật Việt Nam trước những thay đổi có tính bước ngoặt. Kết quả nghiên cứu cho thấy AI không chỉ làm thay đổi phương thức tiếp cận và xử lý tri thức của sinh viên mà còn đặt ra những yêu cầu mới đối với giảng viên, cơ sở đào tạo và cả hệ thống chính sách giáo dục đại học. Dù chưa được tích hợp chính thức vào chương trình đào tạo, AI đã trở thành một phần không thể tách rời trong quá trình học tập của sinh viên luật, từ việc đọc hiểu tài liệu, phân tích án lệ, viết bài tập cho tới chuẩn bị thi cử. Điều này tạo ra một thực tế mới: sinh viên đang học trong môi trường “có AI” dù nhà trường vẫn tổ chức giảng dạy theo mô hình “không AI”.

Tác động của AI đối với giáo dục pháp luật bao gồm cả mặt tích cực và tiêu cực. Một mặt, AI giúp người học tiếp cận tri thức nhanh hơn, hỗ trợ xử lý lượng

thông tin lớn và tạo cơ hội cá nhân hóa quá trình học tập. Những công cụ như Chat GPT, Gemini hay Claude có thể trở thành trợ thủ đắc lực giúp sinh viên tóm tắt văn bản pháp luật dài, phân tích các yếu tố trong vụ việc hay kiểm tra lại mạch lập luận. Nếu được sử dụng đúng cách, AI có thể trở thành nguồn hỗ trợ quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo, giúp giảng viên tiết kiệm thời gian và tạo điều kiện để tập trung vào những hoạt động mang tính tương tác và phân tích sâu.

Mặt khác, nghiên cứu cho thấy việc sử dụng AI tự phát, không có hướng dẫn, không có tiêu chuẩn đạo đức hoặc phương pháp kiểm chứng rõ ràng đã và đang tạo ra nhiều rủi ro cho sự phát triển tư duy pháp lý. Sự lệ thuộc vào AI có thể khiến sinh viên suy giảm năng lực lập luận, thiếu kỹ năng phân tích độc lập và dễ chấp nhận thông tin sai lệch mà không kiểm tra. Điều này đặc biệt nguy hiểm trong lĩnh vực pháp luật, nơi yêu cầu sự chính xác và tính trách nhiệm luôn được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, khi AI có thể tạo ra văn bản chất lượng cao, trôi chảy, hành vi sao chép học thuật trở nên khó phát hiện hơn, đặt giảng viên vào tình thế khó khăn trong việc đánh giá đúng năng lực của sinh viên.

Điểm mấu chốt của vấn đề nằm ở sự chênh lệch giữa tốc độ phát triển của công nghệ và khả năng thích ứng của hệ thống giáo dục. Sinh viên nhanh chóng tiếp nhận và khai thác AI, trong khi phần lớn giảng viên chưa kịp trang bị năng lực công nghệ cần thiết. Cơ sở đào tạo thiếu hướng dẫn cụ thể, thiếu công cụ kiểm tra phù hợp và thiếu khung pháp lý làm chuẩn. Các văn bản chính sách hiện hành như Chiến lược phát triển AI hay Chiến lược chuyển đổi số trong giáo dục mới chỉ dừng ở tầm định hướng chung, chưa đưa ra quy định cụ

thể cho giáo dục pháp luật. Khoảng trống chính sách này khiến các trường đại học khó xây dựng quy chế nội bộ và khó định hình thái độ phù hợp đối với việc sử dụng AI trong học thuật.

Từ những kết quả nghiên cứu trên, bài viết đề xuất một số định hướng nhằm bảo đảm việc sử dụng AI trong giáo dục pháp luật được triển khai một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.

Trước hết, các cơ quan quản lý và cơ sở đào tạo cần xây dựng khung pháp lý phù hợp, trong đó quy định rõ vai trò của trí tuệ nhân tạo trong quá trình học tập, mức độ được phép sử dụng đối với từng loại bài tập và yêu cầu về trích dẫn khi sử dụng nội dung do AI tạo ra. Một bộ quy tắc đạo đức dành riêng cho AI trong học thuật cần được ban hành ở cấp độ cơ sở đào tạo, dựa trên các khuyến nghị quốc tế của UNESCO và những kinh nghiệm từ các trường luật ở Anh, Mỹ hoặc Úc.

Thứ hai, năng lực công nghệ của giảng viên cần được nâng cao thông qua đào tạo chuyên môn, tập huấn kỹ năng số và các chương trình bồi dưỡng về ứng dụng AI trong giảng dạy. Chỉ khi giảng viên hiểu rõ cách AI vận hành, biết đánh giá giới hạn của công cụ và có khả năng hướng dẫn sinh viên sử dụng đúng cách, quá trình dạy học mới có thể diễn ra an toàn và hiệu quả.

Thứ ba, các trường đại học cần đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, đặc biệt là cơ sở dữ liệu pháp luật mở, kho học liệu điện tử và các công cụ hỗ trợ kiểm tra đạo văn có khả năng nhận diện nội dung sinh bởi AI. Đây là điều kiện không thể thiếu để bảo đảm chất lượng học thuật và duy trì niềm tin của xã hội đối với hệ thống đào tạo luật.

Cuối cùng, sự xuất hiện của AI cũng đặt ra yêu cầu xem xét lại triết lý giáo dục

pháp luật. Nếu mục tiêu của đào tạo luật chỉ dừng ở việc truyền đạt quy phạm, sinh viên sẽ càng dễ thay thế quá trình học tập bằng công nghệ. Do đó, chương trình đào tạo cần chuyển trọng tâm sang việc rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng lập luận, khả năng đánh giá bối cảnh và trách nhiệm nghề nghiệp. AI có thể hỗ trợ quá trình này nhưng không thể thay thế vai trò của người thầy trong việc định hướng tư duy và nuôi dưỡng bản lĩnh nghề nghiệp của người học.

Tóm lại, trí tuệ nhân tạo mang lại cả cơ hội và thách thức cho giáo dục pháp luật Việt Nam. Vấn đề không nằm ở việc công nghệ quá mạnh, mà ở chỗ hệ thống đào tạo chưa chuẩn bị đầy đủ để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng này. Điều cần thiết lúc này không phải là né tránh AI, mà là xây dựng cơ chế để con người làm chủ công nghệ, sử dụng nó như một công cụ hỗ trợ phát triển tư duy pháp lý, chứ không phải thay thế cho tư duy. Nếu có chiến lược phù hợp, AI hoàn toàn có thể trở thành động lực thúc đẩy đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Balan, A. (2025). *AI and legal education: Ethical and sustainable approaches*. Routledge.
- [2]. Chen, D. L. (2019). *Machine learning and the rule of law* (Toulouse School of Economics Working Paper No. 19-934). <https://doi.org/10.2139/ssrn.3302507>
- [3]. Enebeli, V. N. (2024). Artificial intelligence and the future of legal education: Lessons from the United Kingdom and South Africa. *Journal of Education and Practice*, 15(1), 89-94.
- [4]. Larousse Encyclopédie. (n.d.). *Intelligence artificielle*.
- [5]. OECD. (2019). *Artificial intelligence in society*. OECD Publishing.

- [6]. OECD. (2025). *Policies for the digital transformation of school education*. OECD Publishing. https://read.oecd-ilibrary.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2025/03/policies-for-the-digital-transformation-of-school-education_aee58b2f/464dab4d-en.pdf
- [7]. Regalia, J. (2024). From briefs to bytes: How generative AI is transforming legal writing and practice. *Tulsa Law Review*, 59, 193. Xem: <https://digitalcommons.law.utulsa.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=3322&context=tlr>
- [8]. Susskind, R. (2022). *Tomorrow's lawyers: An introduction to your future* (3rd ed.). Oxford University Press.
- [9]. Thủ tướng Chính phủ. (2021a). Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt *Chiến lược chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- [10]. Thủ tướng Chính phủ. (2021b). Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 phê duyệt *Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030*.
- [11]. UNESCO. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO Publishing.

CHALLENGES OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE FOR LEGAL TEACHING AND EDUCATION IN CONTEMPORARY VIETNAM

Nguyen Van Quan¹

Abstract: *This article examines the key challenges that artificial intelligence (AI) poses to legal teaching and legal education in Vietnam amid the current wave of digital transformation. Drawing on international theoretical frameworks on AI in education and legal pedagogy, the study employs a mixed-methods approach that combines document analysis, a quantitative survey of 714 law students in Hanoi, Ho Chi Minh City, and Nghe An, and qualitative data obtained through interviews with law lecturers. The research identifies patterns in students' use of AI and highlights associated risks concerning legal accuracy, academic integrity, and the erosion of core legal reasoning skills. The findings reveal that AI tools have been widely adopted by students across nearly all stages of learning, while higher education institutions have yet to establish appropriate regulations, guidelines, or legal frameworks governing AI use. This gap has led to spontaneous, unregulated use, limited verification practices, and significant challenges for lecturers in evaluating academic performance, thereby affecting the overall quality of legal education. The study proposes developing AI-related academic integrity guidelines, enhancing lecturers' digital competencies, expanding digital infrastructure, and implementing curricular reform to strengthen critical thinking and legal reasoning. The value of this research lies in providing the first empirical evidence on AI usage behaviors among Vietnamese law students, thereby offering a scientific foundation for policy development and innovation in legal education in the age of AI.*

Keywords: *artificial intelligence, legal education, legal training in Vietnam, academic integrity, digital transformation*

¹ University of Law, Vietnam National University-Hanoi